

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 42

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Hải Minh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302525162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 22/10/2024 về việc thay đổi Tổng Giám đốc.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: HAI MINH CORPORATION. Tên Công ty viết tắt: HAMI CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302525162 thay đổi lần thứ 16 ngày 22/10/2024 là 131.998.470.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi một tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: HMH.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch
Ông Trần Đức Trung	Thành viên
Ông Trần Đoàn Viện	Thành viên
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên
Bà Vũ Thị Thu Việt	Thành viên

##### **BAN KIỂM SOÁT**

Ông Đào Thế Hưng	Trưởng ban
Bà Tạ Thu Hường	Thành viên
Bà Đặng Thị Bích Ngọc	Thành viên

##### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Kwok Michael Wa Tong	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đoàn Viện	Phó Tổng Giám đốc

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.



**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Dưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



**Trần Quang Tiến**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2025*



Số: 207/2025/BCSXHN-CPA VIETNAM-HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hải Minh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hải Minh được lập ngày 11/8/2025, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế IMPACT**

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2025



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>139.155.196.003</b>	<b>111.604.969.771</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>41.126.481.003</b>	<b>28.591.896.238</b>
1. Tiền	111		30.126.481.003	22.091.896.238
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.000.000.000	6.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>75.370.004.944</b>	<b>66.122.990.685</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	78.057.367.089	66.122.990.685
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(2.687.362.145)	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.667.267.050</b>	<b>15.574.132.260</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	15.368.964.131	12.299.664.650
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	539.906.840	55.533.040
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	4.758.396.079	3.218.934.570
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>34.656.201</b>	<b>29.919.501</b>
1. Hàng tồn kho	141		34.656.201	29.919.501
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.956.786.805</b>	<b>1.286.031.087</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.821.921.205	875.517.856
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		134.865.600	75.800.321
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	-	334.712.910
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>118.418.513.407</b>	<b>136.450.229.452</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	8.000.000	3.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>90.630.113.994</b>	<b>88.252.025.138</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	71.446.613.547	68.780.364.305
- Nguyên giá	222		178.388.127.209	173.887.467.326
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106.941.513.662)	(105.107.103.021)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	19.183.500.447	19.471.660.833
- Nguyên giá	228		24.058.532.693	24.058.532.693
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.875.032.246)	(4.586.871.860)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.11</b>	<b>23.143.252.956</b>	<b>23.355.737.400</b>
1. Nguyên giá	231		23.603.635.918	23.603.635.918
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(460.382.962)	(247.898.518)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>661.487.074</b>	<b>3.485.561.150</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	661.487.074	3.485.561.150
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>17.984.255.882</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.3	-	20.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5.3	-	(2.015.744.118)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.975.659.383</b>	<b>3.369.649.882</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	3.565.497.699	3.097.801.876
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.13	410.161.684	271.848.006
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>257.573.709.410</b>	<b>248.055.199.223</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>34.594.901.070</b>	<b>28.847.219.999</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>34.594.901.070</b>	<b>28.847.219.999</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	6.504.379.538	8.540.814.575
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		261.660.000	165.770.315
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	6.300.570.772	2.956.946.806
4. Phải trả người lao động	314		4.238.630.471	4.557.666.763
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	865.020.793	332.894.807
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		19.090.908	57.272.724
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	12.215.258.577	9.460.933.596
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	2.092.081.443	2.057.997.845
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.098.208.568	716.922.568
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>222.978.808.340</b>	<b>219.207.979.224</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	<b>222.978.808.340</b>	<b>219.207.979.224</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131.998.470.000	131.998.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.905.054.901	5.893.984.271
3. Cổ phiếu quỹ	415		-	(4.394.588.700)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.746.673.776	6.746.673.776
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75.963.033.204	77.513.078.144
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		62.871.466.688	59.497.006.030
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.091.566.516	18.016.072.114
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.365.576.459	1.450.361.733
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>257.573.709.410</b>	<b>248.055.199.223</b>

Người lập biểu



Hoàng Thị Hương

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hương

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Quang Tiến



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	58.122.726.252	49.991.138.736
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		58.122.726.252	49.991.138.736
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	49.012.048.383	40.345.884.070
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		9.110.677.869	9.645.254.666
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	12.706.643.432	775.603.891
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.456.912.175	209.820.193
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		92.107.743	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	4.846.566.146	4.846.440.460
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		15.513.842.980	5.364.597.904
12. Thu nhập khác	31	6.6	354.424.268	388.006.148
13. Chi phí khác	32	6.6	3.958.486	54.080.082
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	350.465.782	333.926.066
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		15.864.308.762	5.698.523.970
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	2.901.945.654	889.007.773
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	(138.313.678)	(369.119.106)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		13.100.676.786	5.178.635.303
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		13.091.566.516	5.137.319.951
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		9.110.270	41.315.352
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.011	288
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	964	280

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu



Hoàng Thị Hương

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hương



Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trần Quang Tiến

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.864.308.762	5.698.523.970
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		3.376.237.289	4.405.227.591
- Các khoản dự phòng	03		671.618.027	(494.476.018)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.558.273.313)	(1.111.252.682)
- Chi phí lãi vay	06		92.107.743	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.445.998.508	8.498.022.861
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.263.936.476)	3.142.656.210
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.736.700)	(24.521.386)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5.911.791.610	2.670.911.102
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.414.099.172)	(75.044.061)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(11.934.376.404)	(41.127.572.167)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(92.107.743)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.884.758.265)	(135.944.151)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(60.000.000)	(75.660.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.296.224.642)	(27.127.151.592)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.675.851.840)	(72.747.760)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		364.968.799	381.818.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	23.800.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		28.500.000.000	7.300.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		268.763.970	883.659.922
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23.457.880.929	21.992.730.253



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		5.405.659.330	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		2.092.081.443	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.057.997.845)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.066.814.450)	(25.302.479)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.627.071.522)	(25.302.479)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		12.534.584.765	(5.159.723.818)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	28.591.896.238	29.155.499.604
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	5.1	41.126.481.003	23.995.775.786

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu



Hoàng Thị Hương

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hương

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Quang Tiến



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hải Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302525162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 22/10/2024 về việc thay đổi Tổng Giám đốc.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: HAI MINH CORPORATION. Tên Công ty viết tắt: HAMI CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302525162 thay đổi lần thứ 16 ngày 22/10/2024 là 131.998.470.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi một tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: HMMH.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường Thạnh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con tại ngày 30/6/2025 là 136 người (tại ngày 31/12/2024 là 134 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Dịch vụ cho thuê kho bãi;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển (không kèm người điều khiển); cho thuê tàu và thiết bị hàng hải;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Đại lý hãng tàu, kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, các dịch vụ về vận tải; kinh doanh bất động sản cho thuê.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các Công ty con như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	96,79%	96,79%	96,79%
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh (i)	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	100%	99,92%	99,92%
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh (i)	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	100%	99,00%	99,00%

- (i) Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh bao gồm tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 99,92% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty con của Công ty, Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát, là 0,08%.
- (ii) Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh bao gồm tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 99% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty con của Công ty, Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh, là 1%.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái trong kế toán*****Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ***

Các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Cụ thể:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì Công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các giao dịch nêu trên được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

***Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:***

- Khoản mục tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ: Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của chính Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản giao dịch tại ngày 30/6/2025.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (phải thu khách hàng...) Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 30/6/2025.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 30/6/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất là văn phòng của Công ty tại Tòa nhà Pearl Plaza tại địa chỉ 561A Điện Biên Phủ, phường Thanh Mỹ Tây, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng đất đến năm 2058.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong vòng 40 đến 43 năm.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**Số năm**

Nhà

50

Công ty không tính khấu hao đối với Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng lâu dài.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

***Thuế thu nhập hoãn lại phải trả***

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Thuê hoạt động**

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**Cho thuê tài sản****Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Chi phí sửa chữa tài sản**

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản lớn được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 36 tháng.

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí dịch vụ khác: Trích trước dựa trên Hợp đồng, báo giá hoặc các chứng từ khác có liên quan khi Công ty thực tế đã nhận được dịch vụ cung cấp nhưng chưa nhận được hóa đơn.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ liên quan đến kho bãi và đại lý container; doanh thu cho thuê hoạt động.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ và cho thuê hoạt động là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

**Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh**

Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh ("Công ty con"), một công ty con của Công ty, được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án Đầu tư Khu dịch vụ hậu cần sau Cảng theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000098 ngày 12/4/2017 do Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp với các ưu đãi cụ thể như sau:

- Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm kể từ năm 2016 (từ năm 2016 đến hết năm 2030);
- Miễn thuế 04 năm kể từ năm 2017 (từ năm 2017 đến hết năm 2020);
- Giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến hết năm 2029).
- Năm 2025 là năm thứ 9, Công ty con được hưởng mức ưu đãi thuế TNDN là 10% và năm thứ 5 giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập tính thuế.

Ngoài các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nêu trên, Công ty và các Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Hải Minh) sau khi điều chỉnh phần trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Hải Minh) sau khi điều chỉnh phần trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Điều hành đánh giá rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy, Báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu được lập theo khu vực địa lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	912.078.847	923.740.653
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.214.402.156	21.168.155.585
Các khoản tương đương tiền (i)	11.000.000.000	6.500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>41.126.481.003</b>	<b>28.591.896.238</b>

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 3,5%/năm đến 4,5%/năm, đồng thời, khoản tiền gửi có kỳ hạn có số dư tại ngày 30/6/2025 là 1.000.000.000 VND, được thế chấp để đảm bảo cho việc cấp tín dụng theo Hợp đồng cấp tín dụng Công ty ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định, chi tiết tại Thuyết minh số 5.18.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09a - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.2 Chứng khoán kinh doanh**

	30/6/2025 (VND)				01/01/2025	
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc hợp lý (i)
<b>Cổ phiếu</b>						
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (Mã chứng khoán: PSP)	2.414.600	78.057.367.089	91.726.291.500	(2.687.362.145)		66.122.990.685
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Mã chứng khoán: PVP)	1.255.000	20.000.572.641	19.389.750.000	(610.822.641)		29.565.872.950
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (Mã chứng khoán: TUG)	540.588	7.576.889.346	8.649.408.000	-		13.858.187.526
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (Mã chứng khoán: PVT)	924.000	18.616.139.504	16.539.600.000	(2.076.539.504)		4.873.949.346
Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam (Mã chứng khoán: MSB)	-	-	-	-		10.205.326.582
Ngân hàng TMCP Á Châu (Mã chứng khoán: ACB)	66.195	1.383.327.415	1.409.953.500	-		891.571.856
Ngân hàng TMCP Quân Đội (Mã chứng khoán: MBB)	-	-	-	-		4.973.937.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco (Mã chứng khoán: HAP)	650.000	3.675.536.051	3.965.000.000	-		1.751.747.480
Cổ phiếu khác		-	-	-		2.397.945
<b>Tổng</b>		<b>78.057.367.089</b>	<b>91.726.291.500</b>	<b>(2.687.362.145)</b>		<b>66.122.990.685</b>
						<b>72.903.835.150</b>

(i) Giá trị hợp lý của các cổ phiếu này được xác định bằng số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ nhân (x) với giá đóng cửa của cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Tỷ lệ		30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác		-	-	-	(2.015.744.118)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh (i)		-	-	-	(2.015.744.118)
Tổng		-	-	-	(2.015.744.118)

(i) Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty đã ghi giảm giá gốc khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh do chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần tại Đơn vị này theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2024/NQ-HĐQT ngày 30/12/2024.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.4 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Ô tô TOYOTA Việt Nam	1.235.558.007	1.671.425.750
Công ty TNHH Toàn Cầu Khải Minh	3.089.373.148	2.133.917.568
Công ty Cổ phần Kioway	133.430.000	178.632.000
Công ty Cổ phần Gemadept	1.500.000.000	-
Chi nhánh giao dịch Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam	1.443.440.520	576.913.640
Các đối tượng khác	7.967.162.456	7.738.775.692
<b>Tổng</b>	<b>15.368.964.131</b>	<b>12.299.664.650</b>
<i>Trong đó,</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>42.426.083</i>	<i>40.128.977</i>

**5.5 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Các đối tượng khác	539.906.840	55.533.040
<b>Tổng</b>	<b>539.906.840</b>	<b>55.533.040</b>

**5.6 Phải thu khác**

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.758.396.079</b>	<b>-</b>	<b>3.218.934.570</b>	<b>-</b>
Tạm ứng cho nhân viên	1.215.350.781	-	1.092.934.628	-
Lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay	70.465.753	-	11.915.070	-
Tồn thất do bão Yagi (i)	251.195.661	-	335.635.661	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.000.000	-	-	-
Các khoản khác (ii)	3.186.383.884	-	1.778.449.211	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>8.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.000.000</b>	<b>-</b>
Ký cược ký quỹ dài hạn	8.000.000	-	3.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>4.766.396.079</b>	<b>-</b>	<b>3.221.934.570</b>	<b>-</b>

- (i) Giá trị tài sản bị tổn thất và chi phí Công ty đã chi trả để khắc phục sau cơn bão Yagi trong năm 2024. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty đang tiếp tục làm việc với Đơn vị bảo hiểm để xác định tổn thất và xác định giá trị bồi thường khoản tổn thất này.
- (ii) Phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản phải thu từ việc chi hộ cho các khách hàng của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	33.946.177	-	29.919.501	-
Hàng hóa	710.024	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>34.656.201</b>	<b>-</b>	<b>29.919.501</b>	<b>-</b>

**5.8 Chi phí trả trước**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.821.921.205</b>	<b>875.517.856</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	240.930.090	190.500.818
Chi phí bảo hiểm, kiểm định	323.168.455	126.572.577
Chi phí sửa chữa tài sản	418.808.030	249.880.379
Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ	12.999.999	15.458.331
Chi phí thuê kho, thuê bãi	513.313.094	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	312.701.537	293.105.751
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.565.497.699</b>	<b>3.097.801.876</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.212.190.698	1.687.914.721
Chi phí sửa chữa tài sản	896.039.677	1.231.209.202
Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ	22.064.250	76.205.720
Chi phí trả trước dài hạn khác	435.203.074	102.472.233
<b>Tổng</b>	<b>5.387.418.904</b>	<b>3.973.319.732</b>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2025	111.824.737.789	1.434.826.595	52.813.249.520	5.400.653.422	2.414.000.000	173.887.467.326
Tăng trong kỳ	-	-	5.509.937.294	165.914.546	-	5.675.851.840
Mua trong kỳ	-	-	2.613.863.218	165.914.546	-	2.779.777.764
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	2.896.074.076	-	-	2.896.074.076
Giảm trong kỳ	-	-	(1.175.191.957)	-	-	(1.175.191.957)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.175.191.957)	-	-	(1.175.191.957)
Số dư tại ngày 30/6/2025	111.824.737.789	1.434.826.595	57.147.994.857	5.566.567.968	2.414.000.000	178.388.127.209
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2025	49.169.211.788	865.699.820	49.116.334.012	5.012.454.714	943.402.687	105.107.103.021
Tăng trong kỳ	1.868.939.152	53.430.881	799.937.663	27.368.109	125.916.654	2.875.592.459
Khấu hao trong kỳ	1.868.939.152	53.430.881	799.937.663	27.368.109	125.916.654	2.875.592.459
Giảm trong kỳ	-	-	(1.041.181.818)	-	-	(1.041.181.818)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.041.181.818)	-	-	(1.041.181.818)
Số dư tại ngày 30/6/2025	51.038.150.940	919.130.701	48.875.089.857	5.039.822.823	1.069.319.341	106.941.513.662
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2025	62.655.526.001	569.126.775	3.696.915.508	388.198.708	1.470.597.313	68.780.364.305
Tại ngày 30/6/2025	60.786.586.849	515.695.894	8.272.905.000	526.745.145	1.344.680.659	71.446.613.547

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 55.593.340.191 VND (tại ngày 01/01/2025: 48.071.406.928 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tổng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2025	24.058.532.693	24.058.532.693
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	<u>24.058.532.693</u>	<u>24.058.532.693</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2025	4.586.871.860	4.586.871.860
Tăng trong kỳ	288.160.386	288.160.386
Khấu hao trong kỳ	288.160.386	288.160.386
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	<u>4.875.032.246</u>	<u>4.875.032.246</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2025	<u>19.471.660.833</u>	<u>19.471.660.833</u>
Tại ngày 30/6/2025	<u>19.183.500.447</u>	<u>19.183.500.447</u>

Quyền sử dụng đất là văn phòng của Công ty tại Tòa nhà Pearl Plaza tại địa chỉ 561A Điện Biên Phủ, phường Thanh Mỹ Tây, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng đất đến năm 2058.

**5.11 Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

	<u>01/01/2025</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>30/06/2025</u>
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
Nguyên giá	23.603.635.918	-	-	23.603.635.918
Quyền sử dụng đất (i)	2.355.191.859	-	-	2.355.191.859
Nhà (i)	21.248.444.059	-	-	21.248.444.059
Giá trị hao mòn lũy kế	247.898.518	212.484.444	-	460.382.962
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	247.898.518	212.484.444	-	460.382.962
Giá trị còn lại	<u>23.355.737.400</u>	<u>(212.484.444)</u>	<u>-</u>	<u>23.143.252.956</u>
Quyền sử dụng đất	2.355.191.859	-	-	2.355.191.859
Nhà	21.000.545.541	(212.484.444)	-	20.788.061.097

Bất động sản đầu tư của Công ty là các căn hộ của Khối căn hộ thuộc cụm công trình cao ốc văn phòng kết hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 466.818.184 VND và 285.084.246 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại 30/6/2025 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nêu trên tại ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Mua sắm	-	2.824.074.076
Mua sắm tài sản là phương tiện vận tải	-	2.824.074.076
b) Xây dựng cơ bản	661.487.074	661.487.074
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	661.487.074	661.487.074
<b>Tổng</b>	<b>661.487.074</b>	<b>3.485.561.150</b>

**5.13 Tài sản thuế thu nhập doanh hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	410.161.684	271.848.006
<b>Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>410.161.684</b>	<b>271.848.006</b>
Trong đó,		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%

**5.14 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	851.558.400	851.558.400	851.558.400	851.558.400
Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Ánh Dương	1.320.228.300	1.320.228.300	1.288.061.069	1.288.061.069
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	1.065.000.000	1.065.000.000	3.225.500.000	3.225.500.000
Phải trả người bán khác	3.267.592.838	3.267.592.838	3.175.695.106	3.175.695.106
<b>Tổng</b>	<b>6.504.379.538</b>	<b>6.504.379.538</b>	<b>8.540.814.575</b>	<b>8.540.814.575</b>
Trong đó,				
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	1.065.000.000	1.065.000.000	3.225.500.000	3.225.500.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/06/2025
<b>Phải nộp</b>	<b>2.956.946.806</b>	<b>8.661.954.113</b>	<b>5.318.330.147</b>	<b>6.300.570.772</b>
Thuế giá trị gia tăng	761.306.728	1.855.856.447	759.971.463	1.857.191.712
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.800.331.680	2.619.673.435	1.884.758.265	2.535.246.850
Thuế thu nhập cá nhân	175.872.217	1.209.760.369	658.632.703	726.999.883
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.817.479.618	910.311.200	907.168.418
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	219.436.181	1.076.960.103	1.022.432.375	273.963.909
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	82.224.141	82.224.141	-
<b>Phải thu</b>	<b>334.712.910</b>	<b>334.712.910</b>	-	-
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	11.671.318	11.671.318	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	282.272.219	282.272.219	-	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	37.626.591	37.626.591	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	3.142.782	3.142.782	-	-

**5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Trích trước thù lao Hội đồng quản trị, và Ban kiểm soát	33.300.000	111.000.000
Trích trước tiền thuê đất	485.565.101	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	346.155.692	221.894.807
<b>Tổng</b>	<b>865.020.793</b>	<b>332.894.807</b>

**5.17 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Kinh phí công đoàn	473.287.200	442.116.600
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.268.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	576.404.148	625.404.148
Cổ tức phải trả	227.406.550	-
Samudera Shipping Line Ltd. - phải trả các khoản thu hộ	5.988.343.096	5.509.821.497
Phải trả ngắn hạn khác	4.946.549.583	2.883.591.351
<b>Tổng</b>	<b>12.215.258.577</b>	<b>9.460.933.596</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/6/2025 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Số có khả năng trả nợ				Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị		Tăng	Giảm	Giá trị	
a) Các khoản vay ngắn hạn	2.092.081.443	2.092.081.443	2.092.081.443	2.057.997.845	2.057.997.845	2.057.997.845
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>2.092.081.443</i>	<i>2.092.081.443</i>	<i>2.092.081.443</i>	<i>2.057.997.845</i>	<i>2.057.997.845</i>	<i>2.057.997.845</i>
Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN	2.092.081.443	2.092.081.443	2.092.081.443	2.057.997.845	2.057.997.845	2.057.997.845
Gia Định (i)						
<b>Tổng</b>	<b>2.092.081.443</b>	<b>2.092.081.443</b>	<b>2.092.081.443</b>	<b>2.057.997.845</b>	<b>2.057.997.845</b>	<b>2.057.997.845</b>

- (i) Hợp đồng cấp tín dụng số PDL20231129632/HDTD ngày 14/7/2023, Phụ lục Hợp đồng số PDL20231129632/HDTD/PL3267527 ngày 04/7/2025, các điều khoản về việc cấp tín dụng cho Công ty như sau:

Hạn mức tín dụng

Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng

Mục đích cho vay

Lãi suất cho vay

Biện pháp đảm bảo

: 4.100.000.000 VND, trong đó hạn mức cho vay là 2.100.000.000 VND;

: 12 tháng, kể từ ngày 04/7/2025 đến hết ngày 04/7/2026;

: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

: Xác định theo từng lần giải ngân;

: Thế chấp tài sản thuộc sở hữu của Công ty, bao gồm số tiết kiệm trị giá 1.000.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.746.673.776	60.075.360.679	1.377.776.089	201.697.676.115
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	18.016.072.114	98.367.367	18.114.439.481
Công ty con chia lợi nhuận	-	-	-	-	-	(25.781.496)	(25.781.496)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(578.354.876)	-	(578.354.876)
Biến động khác do hợp nhất	-	-	-	-	227	(227)	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.746.673.776	77.513.078.144	1.450.361.733	219.207.979.224
Số dư tại ngày 01/01/2025	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.746.673.776	77.513.078.144	1.450.361.733	219.207.979.224
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	13.091.566.516	9.110.270	13.100.676.786
Công ty con chia lợi nhuận	-	-	-	-	-	(94.374.000)	(94.374.000)
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ (i)	-	-	-	-	(1.441.286.000)	-	(1.441.286.000)
Công ty mẹ chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(13.199.847.000)	-	(13.199.847.000)
Bán cổ phiếu quỹ tại Công ty mẹ (ii)	-	1.011.070.630	4.394.588.700	-	-	-	5.405.659.330
Biến động khác	-	-	-	-	(478.456)	478.456	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	131.998.470.000	6.905.054.901	-	6.746.673.776	75.963.033.204	1.365.576.459	222.978.808.340

- (i) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2024 được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/5/2025, trong đó:
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 5% lợi nhuận sau thuế năm 2024, tương ứng với 900.804.000 VND;
  - Trích lập quỹ khen thưởng hoạt động của hội đồng quản trị: 5% lợi nhuận sau thuế năm 2024, tương ứng với 540.482.000 VND.
  - Chia cổ tức: 10% trên vốn điều lệ, tương ứng với 13.199.847.000 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

(ii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/2025/NQ-HĐQT ngày 10/4/2025, Công ty bán toàn bộ cổ phiếu quỹ với số lượng là 352.200 cổ phần, với mục đích bổ sung vốn đầu tư và lưu động của Công ty. Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, toàn bộ số cổ phiếu quỹ đã được bán hết.

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/6/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	1.428.800	10,82%	14.288.000.000	1.428.800	10,82%	14.288.000.000
Ông Trần Quang Tiến	1.388.505	10,52%	13.885.050.000	1.388.505	10,52%	13.885.050.000
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	1.374.300	10,41%	13.743.000.000	1.084.200	8,21%	10.842.000.000
Ông Vũ Đức Tuấn	1.000.000	7,58%	10.000.000.000	1.000.000	7,58%	10.000.000.000
Ông Trần Quang Thành Đạt	1.000.000	7,58%	10.000.000.000	-	0,00%	-
Các cổ đông khác	7.008.242	53,09%	70.082.420.000	8.298.342	62,87%	82.983.420.000
<b>Tổng</b>	<b>13.199.847</b>	<b>100,00%</b>	<b>131.998.470.000</b>	<b>13.199.847</b>	<b>100,00%</b>	<b>131.998.470.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia cổ tức, lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	131.998.470.000	131.998.470.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	131.998.470.000	131.998.470.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>13.199.847.000</b>	-

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
Cổ phiếu phổ thông	13.199.847	13.199.847
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	352.200
Cổ phiếu phổ thông	-	352.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.847	12.847.647
Cổ phiếu phổ thông	13.199.847	12.847.647
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.746.673.776	6.746.673.776
<b>Tổng</b>	<b>6.746.673.776</b>	<b>6.746.673.776</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.20 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ****a. Tài sản thuê ngoài**

Tại ngày 30/6/2025, các Công ty con của Công ty thuê hoạt động các lô đất để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo các Hợp đồng thuê đất ký với đại diện cơ quan nhà nước tại thành phố Hải Phòng. Thông tin chi tiết như sau:

**Lô đất do Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh thuê**

Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh thuê hoạt động lô đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích là 17.178,36 m<sup>2</sup>. Thời hạn thuê đất đến hết ngày 14/01/2059.

**Lô đất do Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát thuê**

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát thuê hoạt động lô đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích là 20.330,03 m<sup>2</sup>. Thời hạn thuê đất là 30 năm, đến hết ngày 15/11/2030.

**b. Ngoại tệ các loại**

	30/6/2025	01/01/2025
Theo giá trị nguyên tệ		
USD	-	826,49
Theo giá trị tương đương VND	-	20.950.695

**c. Nợ xấu đã xử lý**

	Số nợ đã xóa		Thời điểm xóa nợ
	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND	
Công ty Cổ phần Thami Shipping & Airfreight	17.820.000	17.820.000	Năm 2024
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Giao nhận Giang Hà	16.632.000	16.632.000	Năm 2024
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dịch vụ Kho bãi và Vận tải Thịnh Phát	21.224.815	21.224.815	Năm 2024
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Đầu tư Thương mại An Phát	150.587.322	150.587.322	Năm 2024
Công ty TNHH JD-LINK International Logistics Vietnam	17.820.000	17.820.000	Năm 2024
Công ty TNHH Giao nhận và Thương mại phía nam	44.172.000	44.172.000	Năm 2024
Công ty TNHH Thực phẩm Minh Quân	11.600.000	11.600.000	Năm 2024
Công ty TNHH Thủy sản Trọng Nhân	12.904.200	12.904.200	Năm 2024
Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long	31.693.800	31.693.800	Năm 2024
Công ty TNHH MTV Quận Nhuận	10.677.400	10.677.400	Năm 2024
Công ty TNHH Nhân Châu	18.900.000	18.900.000	Năm 2024
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thiên Tân	1.400.000	1.400.000	Năm 2024
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hưng Lộc Thịnh	100.000.000	100.000.000	Năm 2024
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Trần Gia Phát	14.923.636	14.923.636	Năm 2024
Công ty TNHH Giao nhận Biển Xanh	34.000.000	34.000.000	Năm 2024
Công ty TNHH Kỹ thuật - Thương mại - Dịch vụ Thái Hòa	9.180.000	9.180.000	Năm 2024
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lam Logistics	86.691.902	86.691.902	Năm 2024
<b>Tổng</b>	<b>600.227.075</b>	<b>600.227.075</b>	

Công ty tiến hành xóa nợ phải thu nêu trên do đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tỷ lệ 100% số dư nợ phải thu, tuy nhiên, đối tượng nợ không có khả năng thanh toán nợ dù đã có Quyết định thi hành án dân sự của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hoặc các đối tượng nợ là nhân viên của Công ty đã nghỉ việc.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	17.589.049.075	12.565.897.995
Doanh thu dịch vụ đại lý container	5.709.605.885	4.995.330.695
Doanh thu cho thuê văn phòng và cho thuê hoạt động khác (i)	1.801.212.072	2.529.266.957
Doanh thu cho thuê bãi	33.022.859.220	29.900.643.089
<b>Tổng</b>	<b>58.122.726.252</b>	<b>49.991.138.736</b>
<i>Trong đó,</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>219.324.090</i>	<i>289.259.522</i>

(i) Trong đó, doanh thu liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ là 466.818.184 VND.

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	16.074.883.680	12.134.944.013
Giá vốn dịch vụ đại lý container	4.002.508.421	2.979.047.449
Giá vốn cho thuê văn phòng và cho thuê hoạt động (i)	1.478.989.677	1.493.926.262
Giá vốn cho thuê bãi	27.455.666.605	23.737.966.346
<b>Tổng</b>	<b>49.012.048.383</b>	<b>40.345.884.070</b>

(i) Trong đó, giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ là 285.084.246 VND.

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	327.314.653	700.879.546
Lãi do chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính (i)	10.000.000.000	28.555.045
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ kinh doanh chứng khoán	69.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	34.749.715	3.402.747
Lãi kinh doanh chứng khoán	2.337.751.092	36.976.320
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.758.472	5.790.233
<b>Tổng</b>	<b>12.706.643.432</b>	<b>775.603.891</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính (Tiếp theo)**

- (i) Đây là khoản doanh thu hoạt động tài chính từ việc chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần mà Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh. Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng cổ phần tương ứng với số cổ phần Công ty nắm giữ là 30.000.000.000 VND, chưa bao gồm các khoản giảm trừ tương ứng với số cổ phần Công ty nắm giữ như các khoản thuế và nghĩa vụ nộp vào Ngân sách Nhà nước hoặc các nghĩa vụ tài chính phát sinh mà không được các Bên Mua và các Bên Bán thống nhất bàn giao trong Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Ban Điều hành Công ty đã đánh giá tình trạng thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và quyết định ghi nhận khoản doanh thu hoạt động tài chính nêu trên vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Đồng thời, tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần chưa được thanh lý, các bên đang thực hiện thủ tục giao hạn Hợp đồng.

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí lãi vay	92.107.743	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư tài chính	671.618.027	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	19.857.800	205.070.254
Lỗ kinh doanh chứng khoán	673.328.605	-
Chi phí tài chính khác	-	4.749.939
<b>Tổng</b>	<b>1.456.912.175</b>	<b>209.820.193</b>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.405.907.089	3.150.244.878
Chi phí vật liệu quản lý	42.484.152	71.016.072
Chi phí đồ dùng văn phòng	142.158.332	141.511.823
Chi phí khấu hao TSCĐ	116.514.597	78.323.772
Thuế phí và lệ phí	15.483.808	38.100.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	399.861.309	565.029.509
Chi phí bằng tiền khác	724.156.859	744.110.762
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	-	58.103.636
<b>Tổng</b>	<b>4.846.566.146</b>	<b>4.846.440.460</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường Thạnh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**6.6 Lợi nhuận khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	230.958.660	381.818.091
Xử lý công nợ phải trả	123.455.600	-
Các khoản khác	10.008	6.188.057
<b>Tổng</b>	<b>354.424.268</b>	<b>388.006.148</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Tiền nộp chậm, nộp phạt và các khoản truy thu thuế	-	4.797.705
Xóa nợ khó đòi	-	47.647.421
Các khoản khác	3.958.486	1.634.956
<b>Tổng</b>	<b>3.958.486</b>	<b>54.080.082</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>350.465.782</b>	<b>333.926.066</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.901.945.654	889.007.773
<b>Tổng</b>	<b>2.901.945.654</b>	<b>889.007.773</b>

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(138.313.678)	(7.082.815)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(362.036.291)
<b>Tổng</b>	<b>(138.313.678)</b>	<b>(369.119.106)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại) (ii) VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>13.091.566.516</b>	<b>5.137.319.951</b>
Các khoản điều chỉnh	-	(1.441.286.000)
<i>Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(900.804.000)
<i>Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, và Ban Kiểm soát</i>	-	(540.482.000)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND) (i)</b>	<b>13.091.566.516</b>	<b>3.696.033.951</b>
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)</b>	<b>12.945.125</b>	<b>12.847.647</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.011</b>	<b>288</b>

- (i) Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông Công ty mẹ và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.
- (ii) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/5/2025. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được trình bày lại như sau:

	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>5.137.319.951</b>	<b>5.137.319.951</b>	<b>-</b>
Các khoản điều chỉnh	-	(1.441.286.000)	(1.441.286.000)
<i>Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(900.804.000)	(900.804.000)
<i>Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, và Ban Kiểm soát</i>	-	(540.482.000)	(540.482.000)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND) (i)</b>	<b>5.137.319.951</b>	<b>3.696.033.951</b>	<b>(1.441.286.000)</b>
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)</b>	<b>12.847.647</b>	<b>12.847.647</b>	<b>-</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>400</b>	<b>288</b>	<b>(112)</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**6.10 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>13.091.566.516</b>	<b>5.137.319.951</b>
Các khoản điều chỉnh	-	(1.441.286.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(900.804.000)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, và Ban Kiểm soát	-	(540.482.000)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)</b>	<b>13.091.566.516</b>	<b>3.696.033.951</b>
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)</b>	<b>12.945.125</b>	<b>12.847.647</b>
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung (i)	642.382	352.200
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>964</b>	<b>280</b>

(i) Đây là số cổ phiếu Công ty dự kiến phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong năm 2025. Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1

**6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.223.805.926	6.997.763.850
Chi phí nhân công	16.961.633.127	13.230.164.853
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.376.237.289	4.405.227.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.419.857.000	17.331.010.651
Chi phí khác bằng tiền	4.877.080.687	3.170.053.949
<b>Tổng</b>	<b>53.858.614.029</b>	<b>45.134.220.894</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Các cam kết**

**a. Cam kết phát hành cổ phiếu**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/5/2025, Công ty dự kiến phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với các thông tin như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 642.382 cổ phần;
- Tổng mệnh giá của cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 6.423.820.000 VND, tương ứng mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần và tỷ lệ phát hành là 5%;
- Giá chào bán: 10.000 VND/cổ phần, tổng số tiền huy động dự kiến là 6.423.820.000 VND;
- Đối tượng được quyền mua: thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý, người lao động xuất sắc tại Công ty Cổ phần Hải Minh và các Công ty con của Công ty Cổ phần Hải Minh;

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường Thạnh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.1 Các cam kết (Tiếp theo)****a. Cam kết phát hành cổ phiếu (Tiếp theo)**

- Cổ phiếu phát hành thêm theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng là 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành;
- Thời gian thực hiện dự kiến: từ quý II năm 2025;
- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

**b. Cam kết cho thuê hoạt động**

Tổng giá trị các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang mà Công ty dự kiến được nhận theo các thời hạn:

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Từ 01 năm trở xuống	1.634.427.261	1.579.942.053
Từ 01 năm đến dưới 05 năm	1.363.081.799	4.491.659.108
Trên 05 năm	63.636.364	1.072.459.538
<b>Tổng</b>	<b>3.061.145.424</b>	<b>7.144.060.699</b>

**7.2 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan của Công ty:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	Công ty liên kết (Đến ngày 01/6/2024) Có cùng người quản lý chủ chốt
2	Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
3	Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Có cùng người quản lý chủ chốt
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Cánh Đồng Xanh Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng	Có cùng người quản lý chủ chốt
5	Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, và người quản lý khác	Thu nhập từ thù lao, lương, thưởng, và các khoản thu nhập khác	1.171.450.772	1.439.400.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Chi tiết thu nhập của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác như sau:****Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
		VND	VND
Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	30.000.000
Ông Trần Đức Trung	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Ông Trần Đoàn Viện	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Ông Vũ Đức Tuấn	Thành viên HĐQT (Đến ngày 17/4/2024)	-	20.000.000
Bà Vũ Thị Thu Việt	Thành viên HĐQT (Từ ngày 17/4/2024)	30.000.000	10.000.000
<b>Tổng</b>		<b>150.000.000</b>	<b>150.000.000</b>

**Thù lao của từng thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
		VND	VND
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Trưởng ban (Đến ngày 17/4/2024)	-	12.000.000
Ông Khru Hoàng Nam	Thành viên (Đến ngày 17/4/2024)	-	12.000.000
Ông Đào Thế Hưng	Trưởng ban (Từ ngày 17/4/2024)	18.000.000	6.000.000
Bà Tạ Thu Hường	Thành viên (Từ ngày 17/4/2024)	18.000.000	6.000.000
Bà Đặng Thị Bích Ngọc	Thành viên (Từ ngày 17/4/2024)	18.000.000	6.000.000
<b>Tổng</b>		<b>54.000.000</b>	<b>42.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

*Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác*

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
		VND	VND
Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT	-	116.400.000
Ông Kwok Michael Wa Tong	Tổng Giám đốc (Từ ngày 14/10/2024)	573.230.772	-
Ông Đặng Ngọc Hùng	Tổng Giám đốc (đến ngày 14/10/2024)	-	289.800.000
Ông Trần Đoàn Viện	Phó Tổng Giám đốc	253.220.000	526.800.000
Ông Trần Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	123.000.000	296.400.000
Ông Phan Trọng Long	Người được ủy quyền công bố thông tin	18.000.000	18.000.000
<b>Tổng</b>		<b>967.450.772</b>	<b>1.247.400.000</b>

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
<b>Mua hàng</b>			-	466.110.737
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	Dịch vụ vận tải, tài sản cố định	-	349.464.440
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Cánh Đồng Xanh	Có cùng người quản lý chủ chốt	Mua hàng hóa	-	116.646.297
<b>Bán hàng</b>			219.324.090	289.259.522
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	Thuê văn phòng, dịch vụ vận tải	94.880.884	162.248.879
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Cánh Đồng Xanh	Có cùng người quản lý chủ chốt	Thuê văn phòng, phí sử dụng điện	-	4.212.291
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Có cùng người quản lý chủ chốt	Cho thuê văn phòng, phí sử dụng điện, dịch vụ	124.443.206	122.798.352
<b>Giao dịch khác</b>			-	7.300.000.000
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	Chuyển nhượng một phần khoản đầu tư vào đơn vị khác	-	3.650.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Có cùng người quản lý chủ chốt	Chuyển nhượng một phần khoản đầu tư vào đơn vị khác	-	3.650.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,  
Phường Thanh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****c. Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b><u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u></b>		<b>42.426.083</b>	<b>40.128.977</b>
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	17.433.585	17.358.469
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Có cùng người quản lý chủ chốt	24.992.498	22.770.508
<b><u>Phải trả người bán ngắn hạn</u></b>		<b>1.065.000.000</b>	<b>3.225.500.000</b>
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	1.065.000.000	3.225.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.3 Báo cáo bộ phận

Ban Điều hành của Công ty xác định rằng, việc đưa ra những quyết định quản lý của Công ty dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Mặt khác, rủi ro và tỷ suất sinh lời của các loại dịch vụ mà Công ty có sự khác biệt đáng kể và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty trong kỳ. Do vậy, Công ty lập Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Dịch vụ vận tải, đại lý container, cho thuê văn phòng và kho bãi, và các lĩnh vực kinh doanh khác. Mặt khác, tài sản và nợ phải trả của từng bộ phận không được Công ty trình bày do được dùng chung cho tất cả lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang thực hiện. Báo cáo bộ phận thứ yếu được lập theo vị trí địa lý của các khách hàng của Công ty gồm các khách hàng ngoài lãnh thổ Việt Nam, và các khách hàng trong lãnh thổ Việt Nam.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 (VND)				
	Dịch vụ vận tải	Đại lý container	Cho thuê văn phòng, kho bãi	Lĩnh vực kinh doanh khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	17.589.049.075	5.709.605.885	34.824.071.292	-	58.122.726.252
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	5.342.381.676	15.287.018	506.730.982	-	5.864.399.676
Loại trừ giao dịch nội bộ giữa các bộ phận	(5.342.381.676)	(15.287.018)	(506.730.982)	-	(5.864.399.676)
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.589.049.075	5.709.605.885	34.824.071.292	-	58.122.726.252
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	16.074.883.680	4.002.508.421	28.934.656.282	-	49.012.048.383
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	1.514.165.395	1.707.097.464	5.889.415.010	-	9.110.677.869

Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (VND)				
	Dịch vụ vận tải	Đại lý container	Cho thuê văn phòng, kho bãi	Lĩnh vực kinh doanh khác	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	12.565.897.995	4.995.330.695	32.429.910.046	-	49.991.138.736
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	5.451.984.486	-	406.513.636	-	5.858.498.122
Loại trừ giao dịch nội bộ giữa các bộ phận	(5.451.984.486)	-	(406.513.636)	-	(5.858.498.122)
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.565.897.995	4.995.330.695	32.429.910.046	-	49.991.138.736
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	12.134.944.013	2.979.047.449	25.231.892.608	-	40.345.884.070
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	430.953.982	2.016.283.246	7.198.017.438	-	9.645.254.666



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)****Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 (VND)			
	Khách hàng ngoài lãnh thổ Việt Nam	Khách hàng trong lãnh thổ Việt Nam	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	5.064.170.710	53.058.555.542	58.122.726.252

  

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (VND)			
	Khách hàng ngoài lãnh thổ Việt Nam	Khách hàng trong lãnh thổ Việt Nam	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	3.882.278.301	46.108.860.435	49.991.138.736

**7.4 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các Thuyết minh có liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các Thuyết minh có liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Hoàng Thị Hương

Hoàng Thị Hương

Trần Quang Tiến